

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến 30 tháng 6 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Phúc Hường	Ủy viên
Ông Ứng Hồng Vận	Ủy viên
Bà Mạc Thị Thanh Xuân	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc (nghỉ hưu từ tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Nhu	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ung Hồng Vận
Giám đốc

Lào Cai, ngày 05 tháng 8 năm 2014

30 -
TY
HỮU H
ITE
AM
P. H

Số: 198 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 24. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đang ghi nhận trên Tài khoản 241 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và Tài khoản 242 "Chi phí trả trước dài hạn" các khoản chi phí cho các công trình Thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sứ Pán, Tà Thàng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao như một phần góp vốn điều lệ cho Công ty với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 đồng và 2.938.961.039 đồng. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai quyết định giao cho chủ đầu tư khác thực hiện. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư mới được chuyển giao các phần đã thực hiện liên quan dự án nêu trên và thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Theo đó, Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền 7.409.751.001 đồng vào giá trị các công trình đầu tư và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán. Chi phí quản lý dự án được vốn hóa sẽ có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt quyết toán công trình.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 05 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1130-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150)	100		88.072.608.028	132.960.837.022
I. Tiền	110	4	16.724.367.865	37.523.209.480
1. Tiền	111		16.724.367.865	37.523.209.480
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.488.703.958	82.345.502.204
1. Trả trước cho người bán	132	5	38.592.508.576	78.686.480.549
2. Các khoản phải thu khác	135	6	3.896.195.382	3.659.021.655
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.859.536.205	13.092.125.338
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.053.322.234	12.167.749.990
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		36.877.478	36.494.287
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	12.769.336.493	887.881.061
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		1.726.654.514.858	1.369.800.123.599
I. Tài sản cố định	220		1.715.900.354.651	1.359.015.970.050
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	400.993.248	481.948.400
- Nguyên giá	222		2.511.502.093	2.511.502.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.110.508.845)	(2.029.553.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	8.291.305.131	8.291.305.131
- Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.707.208.056.272	1.350.242.716.519
II. Tài sản dài hạn khác	260		10.754.160.207	10.784.153.549
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.754.160.207	10.784.153.549
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.814.727.122.886	1.502.760.960.621

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.440.512.416.993	1.128.624.621.488
I. Nợ ngắn hạn	310		368.991.965.570	166.250.764.133
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	211.656.379.037	46.578.861.647
2. Phải trả người bán	312		114.466.036.778	88.061.309.517
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		108.453.581	59.539.649
4. Phải trả người lao động	315		1.377.364.042	2.174.377.001
5. Chi phí phải trả	316	13	25.407.259.136	21.786.224.066
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	15.976.472.996	7.590.452.253
II. Nợ dài hạn	330		1.071.520.451.423	962.373.857.355
1. Phải trả dài hạn khác	333		217.000.000	224.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	1.071.303.451.423	962.149.857.355
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		374.214.705.893	374.136.339.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	374.214.705.893	374.136.339.133
1. Vốn điều lệ	411		353.296.507.633	353.296.507.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.626.865.584	8.607.542.231
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.648.882.676	1.589.839.269
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.814.727.122.886	1.502.760.960.621

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
1 Ngoại tệ các loại USD	510	523



Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập

Lào Cai, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
			đến ngày 30/6/2014	đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		113.655.362	125.637.850
7. Chi phí tài chính	22		8.828.178	28.414.327
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	17.500.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		104.827.184	97.223.523
11. Thu nhập khác	31		13.636.364	-
12. Chi phí khác	32		42.766.873	-
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(29.130.509)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.696.675	97.223.523
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		16.653.268	24.305.881
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		59.043.407	72.917.642
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	2	3

500 - G.1
CÔNG TY
HỮU HẠN
ITTE
NAM
TP. HÀ NỘI



Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thùy
Người lập

Lào Cai, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100, Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 3/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
		đến ngày 30/6/2014	đến ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	75.696.675	97.223.523
2. Điều chỉnh cho các khoản			
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(113.655.362)	(125.637.850)
Chi phí lãi vay	06	-	17.500.000
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(37.958.687)	(10.914.327)
Thay đổi các khoản phải thu	09	24.089.387.379	(17.698.233.633)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.960.890.915)	9.655.884.142
Thay đổi chi phí trả trước	12	29.993.342	3.688.158.227
Tiền lãi vay đã trả	13	(42.298.702.340)	(110.529.936.051)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(94.761.996)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(24.272.933.217)	(114.895.041.642)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(270.870.675.218)	(41.547.828.134)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay	27	113.655.362	125.637.850
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(270.757.019.856)	(41.422.190.284)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	123.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	295.064.111.458	321.100.247.604
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.833.000.000)	(189.513.052.664)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	274.231.111.458	254.587.194.940
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	(20.798.841.615)	98.269.963.014
Tiền đầu kỳ	60	37.523.209.480	239.187.864
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	16.724.367.865	98.509.150.878



Ứng Hồng Vận
 Giám đốc

Đình Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
 Người lập

Lào Cai, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 90 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 45).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi; Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất; Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này của Công ty được lập cho cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty không có nợ phải thu quá hạn, khó đòi cần phải trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	Số năm
Máy móc, thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền 7.409.751.001 đồng vào giá trị đầu tư công trình nêu trên và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán (số lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 70.959.587.789 đồng). Chi phí quản lý Dự án được vốn hóa có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt quyết toán công trình.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tại thời điểm cuối năm, được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện lũy kế và phần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện và dự án bất động sản tại Lào Cai. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

111
ÔN
NH
EL
ỆT
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty không chắc chắn về khả năng tạo ra lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh trong kỳ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.578.366.047	1.971.876
Tiền gửi ngân hàng	15.146.001.818	37.521.237.604
	<u>16.724.367.865</u>	<u>37.523.209.480</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Điện lực Lào Cai	307.000.000	307.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	9.493.944.051	5.779.967.834
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	8.844.511.669	14.199.294.571
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp Thủy điện tỉnh Triết Giang	5.342.519.060	28.282.121.114
Công ty Xây lắp Điện I	615.809.803	3.825.531.780
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.929.835.464	4.353.488.692
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	16.473.407.600
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Hà Thành	656.174.463	656.174.463
Các đối tượng khác	11.402.714.066	4.809.494.495
	<u>38.592.508.576</u>	<u>78.686.480.549</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	371.927.470	334.043.470
Xí nghiệp Thủy công chuyên ngành	931.955.106	931.955.106
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	37.635.400	305.252.640
Công ty Vimeco	390.020.841	480.732.766
Các khoản phải thu khác	2.164.656.565	1.607.037.673
	<u>3.896.195.382</u>	<u>3.659.021.655</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho công nhân viên	12.518.363.779	636.908.347
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	250.972.714	250.972.714
	<u>12.769.336.493</u>	<u>887.881.061</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	284.257.389	2.161.193.746	66.050.958	2.511.502.093
Tại ngày 30/6/2014	284.257.389	2.161.193.746	66.050.958	2.511.502.093
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	284.257.389	1.679.245.346	66.050.958	2.029.553.693
Khấu hao trong kỳ	-	80.955.152	-	80.955.152
Tại ngày 30/6/2014	284.257.389	1.760.200.498	66.050.958	2.110.508.845
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	-	400.993.248	-	400.993.248
Tại ngày 31/12/2013	-	481.948.400	-	481.948.400

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.538.040.275 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.538.040.275 đồng).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	8.291.305.131
Tại ngày 30/6/2014	8.291.305.131
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	-
Tại ngày 30/6/2014	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2014	8.291.305.131
Tại ngày 31/12/2013	8.291.305.131

Giá trị quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát (i)	1.698.929.741.935	1.341.964.402.182
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.090.637.636	2.090.637.636
Công trình Thủy điện Chu Linh-Cốc San (ii)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sừ Pán (ii)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (ii)	1.450.000.000	1.450.000.000
	<u>1.707.208.056.272</u>	<u>1.350.242.716.519</u>

- (i) Bao gồm chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình khi các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ lũy kể đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 414.725.653.538 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 349.719.457.362 đồng).

Toàn bộ giá trị dự án Công trình Thủy điện Ngòi Phát được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15

- (ii) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sừ Pán, Tà Thàng với tổng số tiền là 6.187.676.701 đồng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San (i)	2.938.961.039	2.938.961.039
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai (ii)	7.596.295.065	7.596.295.065
Chi phí thiết bị văn phòng	218.904.103	248.897.445
	<u>10.754.160.207</u>	<u>10.784.153.549</u>

- (i) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán của Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai với số tiền là 7.596.295.065 đồng theo Báo cáo kiểm toán số 464/VAE-XD-NVIII ngày 09 tháng 7 năm 2005 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam trên Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn". Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào báo cáo tài chính khi có quyết toán chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn:</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (i)	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vimeco (ii)	500.000.000	500.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả:</i>		
Vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	103.081.517.390	41.080.861.647
Vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam	56.074.861.647	4.998.000.000
	<u>211.656.379.037</u>	<u>46.578.861.647</u>

(i) Ngày 19 tháng 3 năm 2014, Công ty ký kế ước vay vốn lưu động với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với hạn mức 62.000.0000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất căn cứ theo từng giấy nợ với mức lãi suất vay ngắn hạn cao nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam vay tại các Ngân hàng Thương mại tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kế ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimeco, với số tiền vay là 500.000.000 đồng, Khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 14 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được gia hạn. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả hợp đồng vay ngắn hạn	1.004.751.620	-
Lãi vay phải trả hợp đồng vay dài hạn	24.402.507.516	21.786.224.066
	<u>25.407.259.136</u>	<u>21.786.224.066</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (*)	15.475.173.789	7.208.918.917
Phải trả khác	501.299.207	381.533.336
	<u>15.976.472.996</u>	<u>7.590.452.253</u>

(*) Phải trả về khoản phí bảo lãnh vay vốn và bảo lãnh thanh toán căn cứ theo Hợp đồng bảo lãnh số 0143/VC-HĐBL/TCKT ngày 22 tháng 7 năm 2013 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho mục đích đầu tư Dự án Thủy điện Ngòi Phát

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	773.111.380.423	657.293.786.355
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	298.192.071.000	304.856.071.000
	1.071.303.451.423	962.149.857.355

(i) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535,466 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng $(=) 4\%/năm +$ lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:

- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay.
- Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01.2013/PL với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 01/2008/NEDI2 - SGD/HĐTDDH ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục hợp đồng này thay đổi thời gian ân hạn gốc cũ từ ngày 25 tháng 3 năm 2014 thành thời gian ân hạn mới là ngày 25 tháng 8 năm 2014 và sửa đổi hạn mức tín dụng thành mức tối đa là 923 tỷ đồng.

Ngày 16 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01.2014/PL. Phụ lục này sửa đổi hạn mức tín dụng thành mức tối đa là 1.129 tỷ đồng và sửa đổi thời hạn vay của Hợp đồng này là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, đồng thời điều chỉnh thời gian rút vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(ii) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437,745 tỷ đồng, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp cho khoản vay này.

Ngày 27 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/2014/HĐSBDS với Ngân hàng Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HDTDDT - NHPT ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục hợp đồng này thay đổi thời gian ân hạn gốc cũ từ ngày 30 tháng 6 năm 2013 thành thời gian ân hạn mới là tháng 6 năm 2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Báo cáo tài chính

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)***Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	159.156.379.037	46.078.861.647
Trong năm thứ hai	128.839.517.390	97.155.723.294
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	581.678.623.169	514.037.169.883
Sau năm năm	<u>360.785.310.864</u>	<u>350.956.964.178</u>
	1.230.459.830.460	1.008.228.719.002
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	159.156.379.037	46.078.861.647
Số được trả sau 12 tháng	<u>1.071.303.451.423</u>	<u>962.149.857.355</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá bối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	193.896.507.633	10.642.450.000	10.836.183.806	1.329.473.130	216.704.614.569
Nhận vốn góp	159.400.000.000	-	-	-	159.400.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	261.093.412	261.093.412
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(2.228.641.575)	-	(2.228.641.575)
Giảm khác	-	-	-	(727.273)	(727.273)
Tại ngày 31/12/2013	<u>353.296.507.633</u>	<u>10.642.450.000</u>	<u>8.607.542.231</u>	<u>1.589.839.269</u>	<u>374.136.339.133</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	59.043.407	59.043.407
Chênh lệch tỷ giá	-	-	19.323.353	-	19.323.353
Tại ngày 30/6/2014	<u>353.296.507.633</u>	<u>10.642.450.000</u>	<u>8.626.865.584</u>	<u>1.648.882.676</u>	<u>374.214.705.893</u>

Cổ phiếu

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.329.650	35.329.650
+ Cổ phiếu phổ thông	35.329.650	35.329.650
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.329.650	35.329.650
+ Cổ phiếu phổ thông	35.329.650	35.329.650
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 và các giấy phép điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp tại ngày	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	30/6/2014	31/12/2013
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000	51,0%	255.000.000.000	255.000.007.633	255.000.007.633
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	10,0%	50.000.000.000	13.083.250.000	13.083.250.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.900.000	3,8%	19.000.000.000	2.856.000.000	2.856.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	1.140.000	2,3%	11.400.000.000	8.387.000.000	8.387.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.460.000	32,9%	164.600.000.000	73.970.250.000	73.970.250.000
	50.000.000	100%	500.000.000.000	353.296.507.633	353.296.507.633

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
Lợi nhuận sau thuế (VND)	59.043.407	72.917.642
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	35.329.650	21.117.706
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2	3

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 15, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	1.282.959.830.460	1.008.728.719.002
Trừ: Tiền	16.724.367.865	37.523.209.480
Nợ thuần	1.266.235.462.595	971.205.509.522
Vốn chủ sở hữu	374.214.705.893	374.136.339.133
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	3,38	2,60

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
Tài sản tài chính		
Tiền	16.724.367.865	37.523.209.480
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.896.195.382	3.659.021.655
Tài sản tài chính khác	250.972.714	250.972.714
Tổng cộng	20.871.535.961	41.433.203.849
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.282.959.830.460	1.008.728.719.002
Phải trả người bán và phải trả khác	130.313.501.921	95.651.761.770
Chi phí phải trả	25.407.259.136	21.786.224.066
Công nợ tài chính khác	217.000.000	224.000.000
Tổng cộng	1.438.897.591.517	1.126.390.704.838

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đôla Mỹ (USD) - Phải trả người bán	42.162.461.996	21.521.368.627	5.342.519.060	28.282.121.114

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh chưa phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, do đó, tỷ giá biến động sẽ không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất vì Công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, mục đích của các khoản vay đều là phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản nên toàn bộ lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình, do đó, lãi vay biến động do lãi suất biến động sẽ chỉ ảnh hưởng đến giá trị lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình mà không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

30/6/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền	16.724.367.865	-	-	16.724.367.865
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.896.195.382	-	-	3.896.195.382
Tài sản tài chính khác	250.972.714	-	-	250.972.714
Tổng cộng	20.871.535.961	-	-	20.871.535.961
30/6/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	211.656.379.037	710.518.140.559	360.785.310.864	1.282.959.830.460
Phải trả người bán và phải trả khác	130.313.501.921	-	-	130.313.501.921
Chi phí phải trả	25.407.259.136	-	-	25.407.259.136
Công nợ tài chính khác	-	217.000.000	-	217.000.000
Tổng cộng	367.377.140.094	710.735.140.559	360.785.310.864	1.438.897.591.517
Chênh lệch thanh khoản thuần	(346.505.604.133)	(710.735.140.559)	(360.785.310.864)	(1.418.026.055.556)
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền	37.523.209.480	-	-	37.523.209.480
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.659.021.655	-	-	3.659.021.655
Tài sản tài chính khác	250.972.714	-	-	250.972.714
Tổng cộng	41.433.203.849	-	-	41.433.203.849
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	46.578.861.647	611.192.893.177	350.956.964.178	1.008.728.719.002
Phải trả người bán và phải trả khác	95.651.761.770	-	-	95.651.761.770
Chi phí phải trả	21.786.224.066	-	-	21.786.224.066
Công nợ tài chính khác	-	224.000.000	-	224.000.000
Tổng cộng	164.016.847.483	611.416.893.177	350.956.964.178	1.126.390.704.838
Chênh lệch thanh khoản thuần	(122.583.643.634)	(611.416.893.177)	(350.956.964.178)	(1.084.957.500.989)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, công nợ tài chính vượt quá tài sản tài chính với số tiền 1.418.026.055.556 đồng, tuy nhiên Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vimeco	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đô thị Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm Vinavico	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Cùng công ty mẹ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cổ đông của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vimeco	32.166.413.667	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	20.983.845.827	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	177.850.387	-
Góp vốn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	123.000.000.000
Số tiền vay nhận trong kỳ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	223.064.111.458	169.250.690.004
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	72.000.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	592.818.052	219.846.183
Các khoản khác	70.200.000	111.376.523
	663.018.052	331.222.706

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Báo cáo tài chính

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan:*

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	371.927.470	334.043.470
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	97.273.356	97.273.356
Công ty Cổ phần Vimeco	390.020.841	480.732.766
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	145.871.825	57.196.700
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	8.844.511.669	14.199.294.571
Công ty Cổ phần Vimeco	9.493.944.051	5.779.967.834
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	16.473.407.600
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	68.041.457	122.365.995
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	337.041.000	136.369.726
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vimeco	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	876.192.897.813	698.374.648.002
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	10.701.300.375	12.474.348.977
Công ty Cổ phần Vimeco	29.909.954.864	27.024.698.801
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	-	2.436.375.131
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	6.341.763.361	10.421.336.986
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	331.113.534	291.735.754
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	15.475.173.789	7.208.918.917
Công ty Cổ phần Vimeco	33.423.282	41.158.810

D. C.
 T. Y.
 ỦY BAN
 T. E.
 AM
 P. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét.



Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập

Lào Cai, ngày 05 tháng 8 năm 2014

